

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TC-STP

Hải Dương, ngày tháng 10 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành trong tháng 9 năm 2024

Thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 977) về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” và Kế hoạch số 3434/KH-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án 977 trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hải Dương ban hành trong tháng 9 năm 2024 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 9 năm 2024, HĐND và UBND tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

1. Các Nghị quyết của HĐND

Không

2. Các Quyết định của UBND:

2.1. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 Ban hành Quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

2.2. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 Ban hành Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; diện tích đất được phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

2.3. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết của HĐND

Không

2. Quyết định của UBND tỉnh

2.1. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 Ban hành Quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương

a) Hiệu lực thi hành:

Từ ngày 12 tháng 9 năm 2024

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết: Căn cứ Luật Đất đai 2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao, điều kiện thửa đất, điều kiện tách thửa đất, diện tích tối thiểu được tách thửa đất được triển khai trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024 và thay thế Luật Đất đai 2013. Theo đó, khi Luật Đất đai 2013 hết hiệu lực thì các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành cũng đồng thời hết hiệu lực trong đó có Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND.

Mặt khác, Luật Đất đai 2024 giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh quy định cụ thể đối với các quy định tại khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 141, khoản 5 Điều 176, khoản 3 Điều 177, khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 4 Điều 213, khoản 4 Điều 220 Luật đất đai số 31/2024/QH15 về các nội dung sau:

+ Hạn mức giao đất nông nghiệp đối với cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp;

+ Hạn mức công nhận đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

+ Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

+ Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân;

+ Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn và đô thị;

+ Hạn mức giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh;

+ Điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh.

Từ những lý do trên, cần thiết ban hành Quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương để đảm bảo đồng bộ, kịp thời, có hiệu lực cùng thời điểm hiệu lực của Luật Đất đai 2024; thống nhất quản lý về đất đai; làm cơ sở để bồi thường giải phóng mặt bằng; cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; xác định nghĩa vụ tài chính... và thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Mục đích ban hành: Nhằm mục đích cụ thể hóa các điều, khoản, điểm được Luật Đất đai 2024 giao; đồng thời, quy định làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan thuế và các cơ quan khác thực hiện giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, tách thửa đất, hợp thửa đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

c) Nội dung chủ yếu

*** Về bố cục**

Quy định ban hành kèm theo Quyết định gồm 04 Chương, 17 Điều:

- Chương I - Quy định chung; chương này gồm 03 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

- Chương II - Hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; chương này gồm 06 Điều, phân làm 02 mục, trong đó mục 1 quy định về hạn mức giao đất, mục 2 quy định hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Chương III - Điều kiện hợp thửa đất, điều kiện tách thửa đất, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất, hợp thửa đất; chương này gồm 06 Điều.

- Chương IV – Tổ chức thực hiện; chương này gồm 03 Điều quy định về xử lý các trường hợp cụ thể, quy định chuyển tiếp, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước.

*** Về nội dung**

- Chương I quy định chung, trong đó: Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh, Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng và Điều 3 quy định giải thích từ ngữ.

- Chương II quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, trong đó:

+ Mục 1. Hạn mức giao đất gồm 4 điều từ Điều 4 đến Điều 7, cụ thể: Điều 4 quy định chi tiết khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai 2024 về hạn mức giao đất ở cho cá nhân để tự xây dựng nhà ở không thông qua hình thức đấu giá (Giữ nguyên so với quy định tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh); Điều 5, Điều 6, Điều 7 là các quy định mới theo Luật Đất đai 2024 và chưa được quy định tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh.

+ Mục 2. Hạn mức công nhận đất ở, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp quy định từ Điều 8 đến Điều 9, cụ thể: Điều 8 quy định chi tiết khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai 2024 về hạn mức công nhận đất ở đối với cá nhân đang sử dụng đất được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 (Cơ bản giữ nguyên so với quy định tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của

UBND tỉnh); Điều 9 quy định chi tiết khoản 3 Điều 177 Luật Đất đai 2024 về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với cá nhân (*quy định mới theo Luật Đất đai 2024 và chưa được quy định tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh*).

- Chương III quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất, hợp thửa đất từ Điều 10 đến Điều 14, cụ thể: Điều 10 quy định điều kiện hợp thửa đất, diện tích tối thiểu được phép hợp thửa đất; Điều 11 quy định điều kiện tách thửa đất; Điều 12 quy định các trường hợp không được tách thửa đất, hợp thửa đất; Điều 13 quy định các trường hợp không áp dụng điều kiện về diện tích, kích thước tách thửa đất; Điều 14 quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất.

- Chương IV Tổ chức thực hiện, gồm các điều từ Điều 15 đến Điều 17 quy định về xử lý các trường hợp cụ thể, quy định chuyển tiếp và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước.

2.2. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 Ban hành Quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; diện tích đất được phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Hiệu lực thi hành:

Từ ngày 12 tháng 9 năm 2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết: Cụ thể hóa các điều, khoản, điểm được Luật Đất đai giao, cụ thể: điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024. Theo đó, Luật giao UBND cấp tỉnh quy định chi tiết các nội dung sau:

+ Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 phù hợp với thực tiễn của địa phương.

+ Diện tích được phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

- Mục đích:

+ Nhằm cụ thể hóa các điều, khoản, điểm được Luật Đất đai giao; xử lý dứt điểm một số trường hợp còn có tồn tại, vướng mắc trong công tác công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian qua, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.

+ Quản lý, bảo đảm việc sử dụng đất nông nghiệp đúng quy định, hạn chế tối đa các trường hợp biến tướng xây dựng công trình, sử dụng đất trái quy định, phá vỡ quy hoạch, cảnh quan, gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như việc tái sử dụng đất vào mục đích ban đầu.

c) Nội dung chủ yếu:

*** Về bố cục**

Quyết định gồm 09 Điều, trong đó:

- Điều 1, 2 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- Điều 3 giải thích một số từ ngữ có trong dự thảo như “khu đất”, “công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp”.
- Điều 4 quy định về giấy tờ về quyền sử dụng đất.
- Điều 5 quy định về diện tích được phép xây dựng công trình trên đất nông nghiệp.
- Điều 6 quy định về trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
- Điều 7 quy định về xử lý một số trường hợp cụ thể khi Quyết định có hiệu lực thi hành.
- Điều 8 quy định về thời điểm có hiệu lực của Quyết định.
- Điều 9 quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện.

*** Về nội dung**

Quyết định quy định những vấn đề được Luật giao quy định chi tiết gồm:

- Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15/10/1993. Đây là các 4 giấy tờ chưa được quy định trong Luật.
- Về diện tích đất được phép xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai.

Bám sát thực tiễn công tác xây dựng, quản lý nhà nông coi trên đất chuyển đổi trên địa bàn tỉnh cũng như công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án trong thời gian qua, ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, ý kiến của các thành viên UBND tỉnh, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu chỉ quy định chung diện tích đất được phép xây dựng công trình cho phù hợp. Theo đó: công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp chỉ gồm nhà, lán, trại để bảo quản nông sản hoặc chứa thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ và các công trình phụ trợ khác có tính chất tương tự, không có mục đích để ở; diện tích được phép xây dựng tối đa 20m² và chỉ được xây dựng trên khu đất có diện tích từ 1.000m² trở lên. Đối với đất lâm nghiệp mà pháp luật về lâm nghiệp có quy định khác thì áp dụng theo quy định đó.

2.3. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

a) Hiệu lực thi hành

Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết: Ngày 11/12/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong

hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Sau hơn 10 năm thi hành, một số văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) là căn cứ ban hành Quyết định trên không còn hiệu lực. Bên cạnh đó, từ năm 2015 đến nay, nhiều văn bản QPPL quan trọng liên quan đến an toàn thông tin mạng với nhiều quy định mới được ban hành... Theo đó, nhiều quy định của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND không còn phù hợp với các văn bản QPPL hiện hành. Do vậy, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương để thay thế cho Quy chế ban hành Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 về ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Mục đích: Ban hành Quy chế mới thay thế cho Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 để đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, tạo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu:

* **Về bố cục:** Quyết định gồm 03 Điều; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định gồm 04 chương 25 Điều, cụ thể:

- Chương I quy định chung, gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4)
- Chương II quy định về an toàn thông tin mạng trong thiết kế, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, gồm 13 Điều (từ Điều 5 đến Điều 17)
- Chương III quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng, gồm 07 Điều (từ Điều 18 đến Điều 24)
- Chương IV gồm 01 Điều quy định về điều khoản thi hành.

* **Về Nội dung**

Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương gồm các nội dung cụ thể:

- Chương I quy định chung, gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ và nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Chương II quy định về an toàn thông tin mạng trong thiết kế, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, gồm 13 Điều (từ Điều 5 đến Điều 17) quy định về: Yêu cầu thiết kế, xây dựng hệ thống thông tin; An toàn thông tin mạng đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin; Quản lý an toàn hạ tầng mạng; Quản lý an toàn máy chủ và ứng dụng; Bảo đảm an toàn thiết bị đầu cuối; Giám sát an toàn hệ thống thông tin; Kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống thông tin; Quản lý an toàn

thông tin của các cơ quan, đơn vị đối với người sử dụng; Quản lý truy cập; Quản lý nhật ký trong quá trình vận hành các hệ thống thông tin; Phòng chống phần mềm độc hại; Sao lưu dữ liệu dự phòng; Quản lý và ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

- Chương III quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng, gồm 07 Điều (từ Điều 18 đến Điều 24) quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị: Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; Trách nhiệm của Công an tỉnh; Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trách nhiệm của Sở Tài chính; Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị; Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác.

- Chương IV gồm 01 Điều quy định về điều khoản thi hành.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong tháng 9 năm 2024, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải);
- Báo Hải Dương (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Anh Phong